		Bộ phụ kiện phaco và I/A cho kỹ thuật Phaco đồng trục đường mổ nhỏ (CMICS)				
		Đầu Phaco tip siêu âm CMP bằng titanium, 30°, cho phẫu thuật phaco đường mổ nhỏ đồng trục, đường kính đầu típ 1,0mm , tại trục 0,7mm: 01 cái				
		Đầu sleeve cho đầu tip, màu trắng, đầu ống 1,4mm cho phẫu thuật Phaco đường mổ nhỏ đồng trục: 02 cái				
		Bộ thử cân bằng dịch tưới hút và thử máy bằng silicon cho phẫu thuật Phaco đồng trục: 02 bộ				
		Khóa vặn đầu phaco tip cho bộ phẫu thuật Phaco đồng trục 2.2mm: 01 cái				
		Tay cầm tưới hút (I/A) đồng trục, đã có đầu kim tưới hút, bọc sleeve khi dùng. Sleeve bằng silicon với cổng hút 0,3mm cho phẫu thuật phaco đồng trục đường mổ nhỏ 2.2mm: 01 cái				
		- **Cắt dịch kính bán phần trước** Đầu cắt dịch kính 23G, có ống dẫn dịch (dùng 1 lần) mã màu UNO. : 02				
		- **Đốt điện cầm máu bán phần trước** Kẹp đốt điện cầm máu, bẻ góc, dài 10 cm (tiệt trùng bằng hơi nước). : 01				
		- **Hộp đựng dụng cụ tiệt trùng** + Hộp tiệt trùng, kích thước ngoài khoảng : 29 x 19x 6cm. : 01 Bộ đệm Silicone cho hộp tiệt trùng khoảng 260 x 160 mm: 01				
		Tính năng và Thông số kỹ thuât:				
		Tính năng chính:				
		Hệ thống dùng cho cả phaco và dịch kính bán phần trước và có thể nâng cấp cho dịch kính bán phần sau.				
		Sử dụng công nghệ bơm hybrid có khả năng chuyển đổi nóng chức năng (cả bơm nhu động peristaltic và bơm venturi).				

		Hệ thống bơm có bơm nhu động (peristaltic) và khả năng kết hợp hiệu ứng venturi trong chế độ bơm nhu động.				
		Tốc độ đầu cắt tối đa 12.000 cpm				
		Có khả năng tích hợp laser nội nhãn và nguồn sáng vào cùng hệ thống (sử dụng cho bán phần sau).				
		Một bộ cassette cho tất cả mọi phẫu thuật – không phải thay đổi trong khi mổ.				
		Xác nhận bằng giọng nói đến 8 thứ tiếng.				
		Ngôn ngữ nhập liệu thay đổi theo phát âm người Châu Âu, Trung Đông, Châu Á.				
		Trong phẫu thuật bán phần trước:				
		Có tính năng tối ưu hóa năng lượng siêu âm được đưa vào.				
		Khả năng ổn định tiền phòng hoàn hảo.				
		Máy nén khí được tích hợp bên trong máy				
		Có tính năng quản lý dòng chảy thông minh.				
		Khai thác tối đa tạo bọt năng lượng từ năng lượng siêu âm.				
		Có khả năng tự động điều chỉnh cho độ bền lâu dài của tay cầm siêu âm.				
		Hệ thống có khả năng di động và khả năng module hóa tối đa.				
		Có dải vật tư phụ kiện, dụng cụ đầy đủ cho phẫu thuật nhãn khoa, phẫu thuật phaco và phẫu thuật dịch kính võng mạc				
		Pedal điều khiên chân điều khiển tuyến tính kép và lập trình riêng biệt cho mỗi phẫu thuật viên.				
		Chức năng rửa:				
		Có khả năng điều chỉnh bằng tay hoặc tự động chiều cao chai dịch: được lập trình sẵn hoặc trong khi mổ.				
		Cột treo chai dịch có thể nâng hạ tích hợp với máy tính và điều khiển bằng pedal điều khiển chân hoặc màn hình cảm ứng trên máy.				
		Chức năng hút:				

		Hệ thống có khả năng sử dụng bơm nhu động và bơm venturi.				
		Tốc độ tối đa 50 ml/ phút, có thể điều chỉnh tăng tuyến tính hoặc cố định.				
		Có khả năng điều chỉnh thời gian tăng từ 0,5 giây đến 5 giây.				
		Chức năng bơm khí:				
		Áp suất bơm khí có thể cài đặt trong máy từ 0 đến 100mmHg				
		Tích hợp hiển thị và điều khiển trên máy.				
		b) Thông số kỹ thuật:				
		Kích thước (Sâu x Rộng x Cao): 420 x 420 x 370 mm				
		Khối lượng máy chính: 25 Kg				
		Nguồn điện cung cấp:				
		Điện áp:100-240V, Tần số:50/60Hz				
		Công suất tiêu thụ: Tối đa 100-400V/W/240-400V/W				
		Bơm nhu động:				
		Chân không (tuyến tính, mũ và điều chỉnh cố đinh) 1 - 600mmHg				
		Hút (tuyến tính và điều chỉnh cố định) 1- 50 ml/ phút				
		Tần số xung (có thể điều chỉnh): 10 Hz				
		Thời gian đáp ứng tăng (có thể điều chỉnh): 0,5 - 5 giây				
		– **Bơm điều khiển trực tiếp**				
		– Chân không (tuyến tính, mũ và điều chỉnh cố định): 1-600mm Hg				
		– Thời gian đáp ứng tăng (có thể điều chỉnh): 0,5 – 5 giây				
		– **Siêu âm**				
		– Phạm vi tần số: 27 – 55 kHz				
		– Năng lượng đầu ra (tuyến tính, mũ và điều chỉnh				

		cố định):0-100%				
		– Tần số xung siêu âm (có thể điều chỉnh): 1 - 60 Hz				
		Thời gian xung (có thể điều chỉnh): 2 - 900 ms				
		– Cắt dịch kính (bán phần trước)				
		– Tốc độ cắt (tuyến tính, mũ và điều chỉnh cố định)				
		– Từ tính:10- 2.000/ 4.000 lát cắt / phút				
		Cắt nhu động UNO colorline mach2: 20 - 12.000/phút				
		– Cắt nhu động UNO colorline: 10 - 6.000/phút				
		Bơm khí/dầu				
		Bơm khí (có thể điều chỉnh): 0 - 100mmHg				
		– Bơm dầu (có thể điều chỉnh): 0,5 - 6 bar				
		– Đốt điện lưỡng cực				
		– Đốt điện cầm máu lưỡng cực công nghệ wetfield: Đốt điện nội nhãn				
		– Năng lượng đầu ra (tuyến tính và cố định điều chỉnh): 0 - 15W				
		Xung (có thể điều chỉnh): 1 - 20 Hz				
X	**BV Y học cổ truyền**					
1	**Máy nội soi tai mũi họng**	**Model: XVS3** **Hãng sản xuất: Chammedco.,ltd** **Xuất xứ: Hàn Quốc**	Cái	1	341.063.000	341.063.000
		Yêu cầu chung				
		Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản suất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485				
		Cấu hình bao gồm				
		Thân máy chính: 01 cái				
		Cáp nguồn: 01 bộ				
		Cáp Video: 01 bộ				
		Cáp dẫn nguồn sáng: 01 cái				
		Camera CCD (dạng súng): 01 cái				
		Optic soi tai nhi 0°, Ø2.7mm, dài 90mm: 01 cái				
		Optic soi mũi người lớn 0°, Ø4mm, dài 175mm: 01				

		cái				
		Optic soi mũi người lớn 30°, Ø4mm, dài 175mm: 01 cái				
		Optic thanh quản người lớn 70°, Ø6mm, dài 175mm: 01 cái				
		Adaptor lens: 01 cái				
		Màn hình LCD ≥17 inch: 01 cái				
		Chân để máy chính hãng: 01 cái				
		Công tắc chân (bàn đạp đơn): 01 cái				
		Máy tính, máy in màu (mua tại Việt Nam): 01 bộ				
		Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ				
		Thông số kỹ thuật:				
		Nguồn điện: AC 220V, 50/60Hz				
		Công suất: 200VA.				
		Cảm biến ảnh: 1/3" CCD				
		Độ phân giải tối thiểu: NTSC (768x404), PAL(752x582)				
		Tốc độ khung: 25/30fps@D1				
		Loại tay cầm: loại sung				
		Đặc điểm: 1/2/4 bắt hình				
		Giao diện người dùng: Nút chạm điều chỉnh âm lượng				
		- Nguồn sáng: LED, 1 kênh Cường độ bức xạ: ≤ 6.0 x 10^4 Lux				
2	**Máy siêu âm điều trị**	**Model: BTL 4710 Premium** **Hãng sản xuất: BTL Industries** **Xuất xứ: EU – Anh Quốc**	Cái	1	108.902.000	108.902.000
		Yêu cầu chung				
		Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản suất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485				
		Cấu hình bao gồm				
		Máy chính : 01 chiếc				
		Từ điển y khoa hỗ trợ điều trị (phần mềm tích hợp sẵn + 01 bản cứng dịch sang Tiếng Việt): 01 bộ				

		Cáp Video: 01 bộ				
		Đầu chiếu siêu âm 5 cm2 đa tần số: 01 chiếc				
		Đầu chiếu siêu âm 1 cm2 đa tần số: 01 chiếc				
		Gel siêu âm: 01 chai				
		Đối nguồn: 01 bộ				
		Tài liệu hướng dẫn sử dụng TA/TV: 01 bộ				
		Thông số kỹ thuật:				
		Màn hình màu cảm ứng rộng 7 inch				
		Giao thức điều trị nhanh: Có				
		Hướng dẫn điều trị bộ phận cơ thể: Có				
		Cơ sở dữ liệu bệnh nhân: có				
		Số kênh điều trị: 01				
		Số đầu phát siêu âm kết nối đồng thời: 2				
		Có khả năng kết nối đầu siêu âm tĩnh trường xoay 4 hoặc 6 tinh thể				
		Tần số phát siêu âm: 10 –150 Hz				
		Duty factor: 5 – 100%				
		Công suất tối đa ở chế độ liên tục: 2W/cm2				
		Công suất tối đa ở chế độ liên xung: 3W/cm2				
		Kích thước máy khoảng: 380 x 190 x 260 mm				
		Trọng lượng: 3 kg				
3	**Buồng o xy cao áp**	**Model: SHC900GD** **Hãng sản xuất: ShangshaiNo.701 Institute Yangyuan Hyperbaric Oxygen Chamber Co.,Ltd.** **Xuất xứ: Trung Quốc**	Cái	1	1.386.029.000	1.386.029.000
		Yêu cầu chung				
		Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản suất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương				
		Cấu hình bao gồm				
		Trang bị chính trong buồng				
		Giường kéo kích thước khoảng 650 x 2000mm: 01 chiếc				

		Ga trải giường 100% cotton chống tĩnh điện: 01 bộ				
		Đầu phun sương ẩm trong buồng: 01 bộ				
		Kẹp dẫn tĩnh điện cho người bệnh: 01 bộ				
		Đầu cảm ứng nhiệt độ: 1 chiếc				
		Điều hòa 1 chiều lạnh: 01 bộ				
		Trang bị chính ngoài buồng				
		Bộ khóa cửa liên kết: 01 bộ				
		Micro, loa: 01 bộ				
		Van an toàn: 02 chiếc				
		Cửa sổ quan sát lấy ánh sáng: 05 bộ				
		Hệ thống chiếu sáng vào trong buồng: 01 bộ				
		Nguồn tích điện UPS: 01 bộ				
		Van giảm áp khẩn cấp: 01 Chiếc				
		Trang bị bảng điều khiển cố định gắn bên ngoài thân buồng				
		Đồng hồ đo lưu lượng khí vào và ra: 01 chiếc				
		Máy đo HBO-2A: 1 Chiếc				
		Đồng hồ đo lưu lượng oxy: 1Chiếc				
		Van điều khiển bằng tay đầu vào và đầu xả DN20 DN15: 1 Chiếc				
		Van điều khiển hệ thống phun sương trong buồng: 1 Chiếc				
		Áp lực kế trợ từ tiếp điểm điện (áp suất buồng) 0.4Mpa: 1 Chiếc				
		Áp lực kế chính xác (trong buồng) 0.4Mpa: 1 Chiếc				
		Áp lực kế nguồn hơi 1.0 Mpa: 1 Chiếc				
		Đồng hồ đo độ ẩm: 1 Chiếc				
		Đặc tính, Thông số kỹ thuât:				
		- Tham số chính buồng Ôxy cao áp: + Loại điều trị cho 1 bệnh nhân, chất liệu: Làm bằng thép chịu áp lực cao. + Kích thước ngoài khoảng: 2550mm x 1300mm x 1650mm (Dài x Rộng x Cao)				

		+ Kích thước sử dụng khoảng: 900mm x 2100mm + Dung tích buồng: 1.5 m^3 + Trọng lượng : 1500 kg + Áp suất thiết kế: 0.22 MPa; Áp suất làm việc: 0.2 MPa Môi chất làm việc: Oxy y tế				
		Nhiệt độ thiết kế: Nhiệt độ thông thường				
		Có van xả áp trong trường hợp khẩn cấp				
		Có kẹp dẫn tĩnh điện kẹp trực tiếp trên tay cho bệnh nhân để tránh sinh ma sát gây cháy trong môi trường giàu oxy				
		Có đầu phun làm ẩm trong buồng trong trường hợp không khí trong buồng quá khô (Thường xảy ra trong quá trình bắt đầu tăng áp và cấp oxy điều trị cho bệnh nhân)				
		Có micro, loa để tiện liên lạc giữa bác sỹ và bệnh nhân đang điều trị.				
		Có cửa sổ quan sát bằng kính hữu cơ trong suốt.				
		Có đèn chiếu sáng bên ngoài chiếu vào trong buồng.				
		Có đầu quay camera kết nối với màn hình theo dõi trên bàn điều khiển cố định bên ngoài thân buồng				
		Có bộ tích điện UPS dùng phòng trường hợp mất điện trong quá trình điều trị.				
		Có máy điều hoà làm mát trong buồng				
		Có bảng máy tính tích hợp màn hình hiển thị và hoạt động của các chức năng như thời gian xử lý, nhiệt độ, liên lạc, điều hòa không khí, cuộc gọi khẩn cấp, báo động áp suất cabin và khóa cabin buồng				
		Tốc độ tăng áp suất: 0.004 - 0.05 Mpa/ Phút (có				

		thể điều chỉnh được)				
		Tốc độ giảm áp: 0.008 – 0.05 Mpa/ Phút (có thể điều chỉnh được)				
		Nhiệt độ buồng: 20°C - 24°C ±< 2°C				
		Tiếng ồn trong buồng: ≦ 50db (A)				
		Công suất vào: Không có nguồn điện vào buồng.				
XI	**BVĐK huyện Cẩm Xuyên**					
1	**Máy sắc thuốc đóng gói tự động**	**Model: YJX20/3+1(50-250)C** **Hãng sản xuất: Dong Hua Yuan** **Xuất xứ: Trung Quốc**	Cái	1	99.500.000	99.500.000
		Yêu cầu chung				
		Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản suất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485				
		Cấu hình bao gồm				
		Hệ thống máy sắc thuốc kèm đóng gói 3 nồi: 01 bộ				
		Túi đựng thuốc: 3 chiếc				
		Automat: 01 chiếc				
		Túi nilon đóng thuốc: 01 cuộn				
		Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ				
		Thông số kỹ thuât:				
		Sắc và đóng túi liên hoàn tự động.				
		Hiển thị bằng đèn Led				
		Dung tích: 2.0000ml/nồi x 3.				
		Công suất sắc thuốc: 2.000W/nồi x 3.				
		Công suất đóng gói: 800W; đóng 6 - 10 túi/phút.				
		Nồi thủy tinh, có thể quan sát tình hình thuốc khi đang vận hành máy,vận hành chuẩn xác, tự động hiển thị các thông số.				
2	**Máy điện tim**	**Model: BTL–08 MT Plus** **Hãng sản xuất: BTL Industries** **Xuất xứ: EU – Anh Quốc**	Cái	1	85.000.000	85.000.000
		Yêu cầu chung				
		Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản suất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 14971				

		Cấu hình bao gồm				
		Máy chính: 01 cái				
		Điện cực chi: 04 cái				
		Điện cực trước ngực: 06 cái				
		Dây nguồn: 01 dây				
		Cáp nối bệnh nhân 10 điện cực: 01 bộ				
		Gel điện tim: 01 chai 300 ml				
		Giấy in nhiệt: 01 cuộn 112 mm				
		Bút cảm ứng: 01 cái				
		Sách hướng dẫn sử dụng: 01 bộ				
		Thông số kỹ thuật:				
		Máy đo điện tim 12 kênh				
		Màn hình LCD màu, cảm ứng. Kích thước 5.7 inch (118 x 89)				
		Hiển thị 12 chuyển đạo cùng lúc trên màn hình				
		Bàn phím kết hợp chữ số và chức năng				
		Kích thước giấy in: A5				
		Khổ giấy: 112 mm				
		Loại giấy: Cuộn				
		Kiểu in: in nhiệt hoặc máy in ngoài kết nối bằng USB				
		- Số chuyển đạo khi in: + Chế độ tự động: 3, 4, 6, 12, 3x4+1, 3x4+2, 3x4+3, 4x3+1, 6x2+1, 6x2+2 + Chế độ thủ công: 3, 4, 6, 12 Chế độ ghi dài: 2				
		Lưu trữ 250 giải tín hiệu ECG (những đoạn 10 giây)				
		Cấu hình người dùng: Không giới hạn				
		Thu tín hiệu trong chế độ tự động: Đồng bộ hoặc theo thời gian thực				
		Phân tích và diễn giải đầy đủ kết quả ECG (tùy chọn nâng cấp thêm)				
		Có thể nâng cấp để đo thêm chức năng hô hấp				
		Thông số kỹ thuật chi tiết				

		Loại màn hình: Màn hình màu, cảm ứng				
		Kích thước màn hình: 5.7 inch (118 x 89 mm)				
		Độ phân giải: 640 x 480				
		Bàn phím: Kết hợp chữ số và chức năng				
		Cảnh báo hết pin: âm báo, đèn				
		Kiểm tra tình trạng tín hiệu: có, từng chuyển đạo riêng biệt				
		Kích thước giấy in: A5				
		Khổ giấy: 112 mm				
		Loại giấy: cuộn				
		Độ phân giải máy in: 200 dpi trục Y, 500 dpi trục X				
		Kiểu in: in nhiệt hoặc máy in ngoài qua cổng USB				
		Tốc độ in (mm/s): 5; 10; 25; 50				
		Độ nhạy (mm/mV): 2.5; 5; 10; 20				
		Số chuyển đạo: 12				
		Số kênh: 12				
		Số chuyển đạo hiển thị: 12				
		Các chuyển đạo đo được: I, II, III, aVR, aVL, aVF,V1, V2, V3, V4, V5, V6				
		Bộ điện cực: R, L, F, N, C1, C2, C3, C4, C5, C6				
		Số chuyển đạo khi in: *chế độ tự động (auto mode)*3, 4, 6, 12, 3x4+1, 3x4+2, 3x4+3, 4x3+1, 6x2+1, 6x2+2				
		Chế độ thủ công (manual mode): 3, 4, 6, 12				
		Chế độ ghi dài (long mode): 2				
		Thời lượng ghi ECG: *chế độ tự động (auto mode)*10; 20; 30; 40; 50; 60; 70; 80 giây				
		Chế độ ghi dài (long mode): 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 10 phút				
		Thu tín hiệu trong chế độ tự động: đồng bộ, hoặc theo thời gian thực				
		Số bản lưu (dải tín hiệu 10 giây): 250				
		- Bộ lọc:				

		+ Tự động: bộ lọc thích nghi + Bộ lọc chính (Hz): 50 / 60 + Bộ lọc cơ (Hz):25; 35 Bộ lọc baseline (s):3.2; 1.5; 0.6; 0.3; 0.1; splines				
		Dò tìm máy tạo nhịp: có, mạch chuyên dụng 100 µs				
		Với chức năng phát hiện 40000 Hz:				
		Chẩn đoán tự động: Tùy chọn				
		Cấu hình người dùng: Không giới hạn				
		Trọng lượng tối đa: 3.2 kg				
		Kích thước máy khoảng: 330 x 270 x 74 (D x R x C)				
		- Điều kiện hoạt động + Nhiệt độ: +10 °C đến +40 °C + Độ ẩm tương đối: 30 % đến 75 % + Áp suất không khí: 700 hPa đến 1060 hPa Chế độ hoạt động: Liên tục				
		Nguồn điện: đầu vào 40 VA				
		Dòng điện chính": 115/230V, AC				
		Tần số: 50 Hz đến 60 Hz				
		Cấp độ bảo vệ: II				
		Chỉ số IP: IP20				
		Pin / Ắc quy: pin				
		Pin lithium : ắc quy chì 1x 12 V/1.2 Ah, 48x97x52 mm				
		- Thời gian sử dụng ắc quy + Chế độ "Automat": lên tới 30 lần in + Chế độ "Manual": lên tới 30 phút in + Theo dõi tín hiệu: lên tới 90 phút Bộ sạc: tích hợp, thời gian sạc từ 4 – 6 giờ				
		Trở kháng đầu vào: 20 MΩ				
		CMMR: 98 dB				
		Tần số lấy mẫu: 2000 Hz				

		Dải tần: *với +10% / -30%,* 0.05 Hz – 170 Hz				
		Với +10% / -10%, 0.67 Hz – 40 Hz				
		Độ chính xác biên độ: ± 2 %				
		Độ chính xác thời gian: ± 2 %				
		Độ phân giải số: 3.9 µV				
		Nhiễu đầu vào: 8 µV				
		Bộ chuyển đổi A/D: 13 bit				
		Dải động tối thiểu: ± 15.9 mV				
		Điện áp phân cực: ± 400 mV				
		Bộ phận ứng dụng: kiểu CF				
		Kết nối tới máy tính: RS232, USB				
3	**Máy kéo giãn cột sống**	**Model: BTL 1300 Trac** **Hãng sản xuất: BTL Industries** **Xuất xứ: EU – Anh Quốc**	Cái	1	330.000.000	330.000.000
		Yêu cầu chung				
		Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản suất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485				
		Cấu hình bao gồm				
		Giường kéo giãn: 01 cái				
		Đầu kéo giãn: 01 cái				
		Dây nguồn: 01 cái				
		Bộ ngắt mạch khẩn cấp cho bệnh nhân: 01 bộ				
		Bộ đai kéo giãn cho vùng cổ, xương chậu và ngực: 01 bộ				
		Ghế điều chỉnh độ cao: 01 cái				
		Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ				
		Tính năng và Thông số kỹ thuât:				
		ĐẶC ĐIỂM				
		Hệ thống sử dụng giường nằm kéo (giường có 3-phần, có thể điều chỉnh nâng/ hạ bằng điện)				
		Giường có phần tựa đầu có thể điều chỉnh góc nghiêng.				
		Giao diện kỹ thuật số, thân thiện với người dùng				
		Các chương trình kéo giãn: Liên tục, gián đoạn và				

		cân bằng				
		Người sử dụng tự chọn thời gian kéo, thả và thời gian điều trị				
		Cài đặt chế độ gián đoạn và lũy tiến				
		Giám sát thời gian trị liệu chính xác				
		Thiết kế khoa học, dễ sử dụng				
		- Các tính năng an toàn tích hợp trong máy: + Công tắc ngắt và tạm dừng chương trình cho bệnh nhân + Có tín hiệu âm thanh phát ra khi kết thúc điều trị Có tín hiệu âm thanh phát ra nếu bệnh nhân bấm công tắc ngừng điều trị khẩn cấp				
		THÔNG SỐ KỸ THUẬT:				
		GIƯỜNG KÉO GIÃN				
		Nguồn điện: ~220VAC ± 10%, tần số 50Hz đến 60 Hz				
		Chiều dài: 2100 mm				
		Có lỗ trống phần tựa đầu				
		Độ cao điều chỉnh bằng điện				
		Chiều rộng tiêu chuẩn: 700 mm ± 10%				
		Chiều dài phần thân: 500 mm				
		Chiều dài phần chân: 1100 mm ± 10%				
		- Khoảng cách điều chỉnh độ cao: 420 – 750 mm				
		Độ dịch chuyển độ nghiêng phần đầu: +55°/-45°				
		Lựa tải: 170 kg				
		ĐẦU KÉO				
		Kích thước (Dài x Rộng x Cao): 360 x 290 × 270 mm				
		Nguồn điện: ~ 220VAC: tần số: 50Hz/60Hz; dòng 0,6A				

		Công suất tổng tối đa: 150 VA				
		Chế độ hoạt động: Liên tục, gián đoạn, cân bằng, lũy tiến				
		Phạm vi lực kéo giãn: 0 đến 92Kg				
		Thời gian điều trị: 0 và 99 phút				
		Thời gian kéo / thời gian nghỉ (liệu pháp gián đoạn): 0 và 99 giây hoặc hơn				
		Chức năng tùy chọn 3 mức kéo tối đa: 18 / 50 / 90 Kg ± 2%				
		Các chế độ báo động: Service/ overload/ rest > hold/ remote				
		Cấp bảo vệ an toàn điện: cấp I, loại BF (theo IEC 60601-1) hoặc tương đương				
		Phân loại thiết bị: Class IIb theo MDD 93/42/EEC hoặc tương đương				
		Chứng nhận: CE 0434				
		Dòng rò vỏ: < 100 µA				
		Điện trở nối đất: < 0.1Ω				
4	**Bộ đèn mổ**	**Model: Honey Lux Led 160RK + 160RK** **Hãng sản xuất: JW Bio Science** **Xuất xứ: Hàn Quốc**	Bộ	1	447.500.000	447.500.000
		Yêu cầu chung				
		Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản suất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485				
		Cấu hình bao gồm				
		Thân đèn chính gồm 02 nhánh đèn: 01 chiếc.				
		Tay cầm tiệt trùng: 04 chiếc.				
		Dây điện nguồn: 01 bộ.				
		Bộ nguồn: 02 chiếc.				
		Bộ phụ kiện lắp đặt đèn: 01 bộ.				
		Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Tiếng Anh + Tiếng Việt): 01 bộ				
		Quy trình vận hành thiết bị: 01 bộ				
		Thông số kỹ thuật:				

		a. Tính năng kỹ thuật:				
		Là loại đèn mổ treo trần sử dụng công nghệ ánh sáng trắng lạnh – LED.				
		Tạo ra ánh sáng đồng nhất qua nhiều lớp trường chiếu thông qua hệ thống thấu kính và gương phản xạ.				
		Là loại đèn mổ thân thiện với môi trường nhờ tuổi thọ đèn dài (50000 giờ) và công suất tiêu thụ thấp (100VA) tránh gây lãng phí tài nguyên.				
		Nhiệt độ tại bầu đèn lớn hơn nhiệt độ môi trường xung quanh ≤ 1 độ C.				
		Ánh sáng không tạo bóng mờ nhờ hệ thống quang học bề mặt.				
		Nhiệt độ màu có thể điều chỉnh theo từng trường hợp phẫu thuật và tùy người sử dụng với 3 bước: 3800K, 4400K và 5100K				
		Khung đèn được thiết kế đặc biệt với những đường nét mượt, các cạnh được làm tròn giúp cho việc vệ sinh dễ dàng.				
		Bàn phím điều khiển dạng màng được đặt ở bên cạnh bầu đèn. Có 05 phím điều khiển cường độ sáng, 03 phím điều khiển nhiệt độ màu, 01 phím chuyển chế độ nội soi (Endo), 01 phím tắt bật đèn				
		Có 02 tay cầm chuyên dụng dùng khiển ở mỗi bầu đèn, ngoài ra tay nắm tiệt trùng ở giữa cũng dùng để di chuyển bầu đèn và điều chỉnh độ hội tụ và di chuyển bầu đèn đến bất kỳ vị trí nào. Tay cầm ở giữa bầu đèn có thể tháo lắp và tiệt trùng dễ dàng.				
		Chuyển sang chế độ nội soi chỉ bằng một nút bấm				
		b. Thông số kỹ thuật của mỗi nhánh đèn				
		Công suất chiếu sáng tối đa: 160,000 Lux				
		Nhiệt độ màu: 3.800/ 4.400/ 5.100 K				
		- Hệ số hiệu chỉnh màu: 96 Ra				
		Đường kính trường chiếu: 180 ~ 270 mm				

		Độ sâu chiếu sáng : 1100 mm				
		Số lượng bóng đèn LED/ 1 nhánh: 03 bóng chính + 09 bóng cho chế độ nội soi				
		Tuổi thọ bóng đèn : 50,000				
		Dải hội tụ: 5 Bước từ 20 – 100				
		Góc xoay tay đèn: 360 độ				
		Tổng công suất tiêu thụ: ≤ 100 VA				
		Điện áp sử dụng: 110-230VAC.				
		Tần số: 50 / 60 Hz.				
XII	**BV ĐK huyện Can Lộc**					
1	**Bộ dụng cụ mổ nội soi tiết niệu**	**Hãng sản xuất: Ackermann** **Xuất xứ: Đức**	Bộ	1	765.000.000	765.000.000
		Yêu cầu chung				
		Hàng mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485				
		Cấu hình				
		Mỗi bộ gồm				
		Ống soi bàng quang 4 mm, 30° dài 302mm: 1 cái (Mã: 32-4020/32-4020G)				
		Vỏ ống soi niệu đạo 24/26fr loại xoay được, có hai đường dịch bơm rửa liên tục: 1 cái (Mã: 32-4205RR)				
		Cán điện cực dùng cho cắt đốt u xơ tiền liệt tuyến trong nước muối: 1 cái (Mã: 32-4216/32-4216DB)				
		Điện cực dao 24fr: 1 cái (Mã: 32-4265/32-4265DB)				
		Điện cực hình nón 24fr: 1 cái (Mã: 32-4258/ 32-4258DB)				
		Điện cực bay hơi tổ chức 24fr, đường kính 5mm: 1 cái (Mã: 32-4256/32-4256DB)				
		Điện cực trống lăn 24fr, đường kính 5mm: 1 cái (Mã: 32-4271/32-4271DB)				
		Điện cực vòng gập góc 30 độ: 1 cái (Mã: 32-4240/ 32-4240DB)				

		Điện cực vòng gập góc 90 độ: 1 cái (Mã: 32-4235/ 32-4235DB)				
		Cáp điện cao tần đơn cực dành cho tiết niệu đường kính 4mm : 1 cái (Mã: 11-1260UR)				
		Cầu nối ống soi với 1 kênh dụng cụ, có khóa (Mã: 32-4380)				
		Vỏ ống soi bàng quang niệu đạo 19fr: 1 cái (Mã: 32-4075)				
		Kẹp phẫu tích 5fr, 2 hàm đầu, lưỡi răng cưa: 1 cái (Mã: 32-4131)				
		Ống bơm hút dịch 150ml: 1 cái (Mã: 32-4395-150)				
		Nến nong niệu đạo DITTEL cỡ 30: 1 cái (Mã: 32-4444)				
		Nến nong niệu đạo DITTEL cỡ 28.5: 1 cái (Mã: 32-44430				
		Nến nong niệu đạo DITTEL cỡ 25.5: 1 cái (Mã: 32-4441)				
		Nến nong niệu đạo DITTEL cỡ 24: 1 cái (Mã: 32-4440)				
		Nến nong niệu đạo DITTEL cỡ 22.5: 1 cái (Mã: 32-4439)				
		Nến nong niệu đạo DITTEL cỡ 21: 1 cái (Mã: 32-4438)				
		Vỏ ống soi bàng quang niệu đạo 21 fr: 1 cái (Mã: 32-4080)				
		Vỏ ống soi bàng quang niệu đạo 25 fr: 1 cái (Mã: 32-4090)				
		Ống thông Albarran với hai kênh dụng cụ, có khóa: 1 cái (Mã: 32-4115)				
		Cầu nối ống soi dùng trong chẩn đoán: 1 cái (Mã: 32-4095)				
		Cầu nối ống soi với 1 kênh dụng cụ, có khóa: 1 cái (Mã: 32-4100)				

		Kẹp tán sỏi sử dụng với vỏ 25fr: 1 cái (Mã: 32-4066)				
		Kẹp sinh thiết 7fr, dài 410mm: 1 cái (Mã: 32-4120)				
		Kẹp nội soi 7fr, dài 410mm, hàm răng cưa: 1 cái (Mã: 32-4130)				
		Dụng cụ thụt rửa Ellik với quả bóng bằng cao su: 1 cái (Mã: 32-4106)				
		Vỏ ống soi niệu đạo với 1 kênh dụng cụ 5fr, đường kính vỏ 21fr: 1 cái (Mã: 32-4370)				
		Vỏ ngoài cho model đường kính 21fr: 1 cái (Mã: 32-43750				
		Dao loại tiêu chuẩn, lưỡi hình vòng tròn khuyết: 1 cái (Mã: 32-4389)				
		Kéo nội soi 7fr, dài 410mm: 1 cái (Mã: 32-4135)				
		Cán dụng cụ lấy sỏi: 1 cái (Mã: 32-4211)				
		Dụng cụ lấy sỏi Dormia 5Fr với 4 dây: 1 cái (Mã: 32-4204)				
XIII	**BVĐK huyện Lộc Hà**					
1	**Máy phẫu thuật Phaco**	**Model: Megatron S4 HPS** **Hãng sản xuất: Geuder AG** **Xuất xứ: Đức**	Cái	1	1.785.000.000	1.785.000.000
		Yêu cầu chung				
		Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản suất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FSC				
		Cấu hình bao gồm				
		Máy chính: 01				
		Xe để máy: 01 cái				
		Cột truyền dịch điều khiển bằng motor điện thông qua phần mềm lập trình sẵn trong máy: 01 cái				
		Bàn đạp điều khiển: 01 cái				
		Bộ cassette nhu động và venturi có ống dây I/A tubing, bộ truyền dịch, túi đựng dịch thải: 02 bộ				
		Bộ dây I/A có cảm biến áp lực: 01 bộ				
		Bộ cảm biến HPS: 02 bộ				